

BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN  
**QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN  
RỪNG VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **90** /VNFF-BĐH

Hà Nội, ngày **18** tháng **02** năm 2016

V/v báo cáo phục vụ hoàn thiện dự  
thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị  
định số 99/2010/NĐ-CP.

Kính gửi: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh.

Ngày 22/9/2015, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã có Tờ trình số 7771/TTr-BNN-TCLN đề nghị Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR).

Để có căn cứ tiếp tục tham mưu cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoàn thiện dự thảo Nghị định theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Hoàng Trung Hải tại văn bản số 10567/VPCP-KTN ngày 17/12/2015 của Văn phòng Chính phủ, về việc tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam (VNFF) đề nghị Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng các tỉnh (Quỹ tỉnh) khẩn trương báo cáo tình hình thực hiện chính sách chi trả DVMTR và cung cấp bổ sung thông tin (theo phụ lục đính kèm).

Báo cáo và phiếu cung cấp thông tin gửi VNFF trước ngày 30/3/2016 theo địa chỉ: nhà A5, số 10 Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội; đồng thời gửi file mềm về địa chỉ email: lehoatuyen@yahoo.com.

Đề nghị Quỹ tỉnh khẩn trương tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Sở NN&PTNT (biết, chi đạo);
- Giám đốc (báo cáo);
- Lưu: VT, BĐH.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**  
  
**Phạm Hồng Lượng**

**Ghi chú:**

- (1) Phiếu số 02: Thu thập ít nhất 03 đơn vị/tỉnh, trường hợp tỉnh có từ 03 đơn vị trở xuống thì thu thập hết.
- (2) Phiếu số 03: Phòng vấn ít nhất 10 hộ/tỉnh, các hộ này được chọn là mẫu cố định để điều tra hàng năm.

**PHỤ LỤC 1**  
(Kèm theo công văn số: 90/VNFF-BĐH ngày 18/02/2015 của VNFF)

**ĐỀ CƯƠNG**  
**Báo cáo tình hình thực hiện chính sách**  
**chi trả dịch vụ môi trường rừng**

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

1. Khái quát chung về cơ cấu, tổ chức quỹ; tổng diện tích có rừng, diện tích rừng được chi trả DVMTR của tỉnh.
2. Tình hình thu, chi (giải ngân) tiền DVMTR; phân tích cụ thể lý do giải ngân thấp (nếu có).

**II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

1. Đánh giá việc sử dụng và hiệu quả của số tiền DVMTR trong 5 năm qua.
  - Đóng góp vào bảo vệ và phát triển rừng, so sánh năm 2015 với năm 2011 hoặc năm bắt đầu thực hiện chính sách (số vụ phá rừng trái phép, số vụ khai thác rừng trái phép, số vụ cháy rừng, diện tích rừng bị cháy, diện tích rừng bị phá...);
  - Tác động đến sinh kế của người dân (số hộ gia đình tham gia chính sách, tiền DVMTR/hộ/năm; tỷ trọng bình quân thu nhập từ DVMTR/ tổng thu nhập của hộ gia đình...);
  - Giải quyết kinh phí bảo vệ rừng cho các công ty lâm nghiệp tạm dừng khai thác gỗ rừng tự nhiên theo Quyết định 2242/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (số lượng công ty được hưởng chính sách, số tiền DVMTR bình quân/công ty/năm...);
  - Đóng góp giảm áp lực chi ngân sách nhà nước trong lâm nghiệp (so sánh tiền DVMTR với tổng đầu tư NSNN cho bảo vệ và phát triển rừng);
  - Các đóng góp khác khi thực hiện chính sách chi trả DVMTR.
2. Đánh giá tác động đối với kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong trường hợp điều chỉnh mức thu tiền chi trả DVMTR từ 20 đồng/kwh lên 36 đồng/kwh đối với cơ sở sản xuất thủy điện, từ 40 đồng/m<sup>3</sup> lên 52 đồng/m<sup>3</sup> đối với cơ sở cung cấp nước sạch.

**III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ, NHỮNG KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC**

1. Tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện.
2. Hạn chế của các quy định, hướng dẫn thực hiện chính sách.
3. Khó khăn, vướng mắc cần tháo gỡ.

**IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG**

**PHỤ LỤC 2:**  
(Kèm theo công văn số: 90/VNFF-BĐH ngày 18/02/2015 của VNFF)



**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN**

**Phiếu số 01. Thông tin về thu, chi tiền DVMTR của Quỹ tỉnh**

Nội dung	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
<b>1. Tổng thu lũy kế tiền DVMTR đến hết 31/12/2015</b>	1.000 đồng		
- Thu qua VNFF	1.000 đồng		
- Thu nội tỉnh	1.000 đồng		
<b>2. Tổng chi lũy kế tiền DVMTR đến thời điểm báo cáo<sup>(*)</sup></b>	1.000 đồng		
- Chi cho chủ rừng	1.000 đồng		
- Chi phí quản lý (tối đa 10%)	1.000 đồng		
- Chi dự phòng và chi khác	1.000 đồng		
<b>3. Tiền DVMTR còn tồn chưa giải ngân đến thời điểm báo cáo</b>	1.000 đồng		
<b>4. Tỷ lệ giải ngân</b>	%		

**Ghi chú:** (\*) Kể cả số tiền không có đối tượng chi đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép sử dụng sang mục đích khác.

**Phiếu số 02. Phiếu thu thập thông tin thực trạng quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR tại các công ty lâm nghiệp, ban quản lý rừng**

**I. THÔNG TIN CHUNG**

- 1.1. Tên công ty LN/BQLR:.....
- 1.2. Địa chỉ:                    1.2.1. Tỉnh/thành phố:.....
- 1.2.2. Quận/huyện:.....
- 1.2.3. Xã/phường:.....
- 1.3. Diện tích rừng:    1.3.1. Tổng diện tích rừng được giao quản lý: .....ha;
- 1.3.2. Diện tích rừng được chi trả DVMTR:.....ha;
- 1.3.3. Diện tích rừng được chi trả DVMTR đã khoán bảo vệ.....ha;
- 1.3.4. Diện tích rừng được chi trả DVMTR tự bảo vệ.....ha
- 1.4. Tổng số CBCNV của đơn vị.....người;

**II. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG TIỀN CHI TRẢ DVMTR NĂM 2015**

Nội dung	ĐVT	Số lượng/Giá trị	Ghi chú
<b>1. Tổng các nguồn thu của đơn vị</b>	1.000 đồng		
- Thu từ DVMTR	1.000 đồng		
- Tỷ trọng thu DVMTR/tổng thu của đơn vị	%		
<b>2. Tổng chi từ tiền DVMTR</b>	1.000 đồng		
- Chi cho bên nhận khoán BVR	1.000 đồng		
- Chi công tác tự BVR phần diện tích được chi trả DVMTR	1.000 đồng		
- Chi phí quản lý (10% nguồn thu DVMTR)	1.000 đồng		
- Thực hiện nghĩa vụ đóng góp với ngân sách nhà nước	1.000 đồng		
- Chi khác	1.000 đồng		
<b>3. Tiền DVMTR tồn chưa giải ngân</b>	1.000 đồng		
<b>4. Tỷ lệ giải ngân tiền DVMTR</b>	%		

**III. VAI TRÒ CỦA TIỀN DVMTR ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**

.....

.....

**IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TIỀN DVMTR**

.....

.....

**V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA ĐƠN VỊ**

.....

.....

....., ngày...tháng...năm 2016

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phiếu số 03. Phiếu thu thập thông tin thực trạng quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR năm 2015 của hộ gia đình, cá nhân**

1. Họ và tên chủ hộ: .....; Dân tộc.....  
Giới tính       Nam                       Nữ
2. Địa chỉ:      Thôn/bản..... Xã:.....  
Huyện:..... Tỉnh:.....
3. Trình độ học vấn:.....
4. Tổng số nhân khẩu trong gia đình: .....người;
5. Số người trong độ tuổi lao động: .....người;
6. Tổng diện tích rừng được giao, khoán bảo vệ rừng: .....ha;
7. Diện tích rừng được chi trả DVMTR: .....ha;
8. Tổng thu nhập của hộ gia đình trong năm.....đồng; trong đó thu nhập từ tiền chi trả DVMTR.....đồng.
9. Tình hình bảo vệ rừng của hộ gia đình
- Diện tích rừng khi được giao (theo sổ/ quyết định giao): .....ha
  - Diện tích rừng hiện nay hộ gia đình đang quản lý: .....ha
  - Có bị mất rừng không:.....; bao nhiêu.....ha;
  - Có bị cháy rừng không:.....; bao nhiêu.....ha;
  - Có bị khai thác gỗ trộm không:.....; bao nhiêu.....m<sup>3</sup> hoặc bao nhiêu.....cây;
10. Ai trong gia đình thường xuyên đi tuần tra bảo vệ rừng:
- Vợ       Chồng       Con trai       Con gái
11. Số lần đi tuần tra bảo vệ rừng trong tháng:
- Hàng ngày    4 lần/tháng    8 lần/tháng       > 8 lần/tháng
12. Tiền chi trả DVMTR chi dùng vào việc gì là chủ yếu:
- Mua lương thực       Cho con đi học       Mua sắm vật dụng    Chi khác
13. Trong gia đình ai là người quản lý tiền chi trả DVMTR:
- Vợ       Chồng       Con                       Ông/Bà
14. Đánh giá của chủ hộ về số tiền DVMTR tác động tới cuộc sống của gia đình
- Rất tốt       Tốt       Bình thường       Không đáng kể
15. Hộ gia đình có đồng ý với việc điều chỉnh mức chi trả tiền DVMTR từ 20 đồng/kwh lên 36 đồng/kwh đối với điện (tăng 16 đồng/số điện), từ 40 đồng/m<sup>3</sup> lên 52 đồng/m<sup>3</sup> đối với nước sinh hoạt (tăng 12 đồng/m<sup>3</sup> nước):    Có                       Không

Ngày..... tháng..... năm 2016

**Chủ hộ gia đình**  
(Ký tên)